

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm và nâng cấp kiosk dịch vụ công trực tuyến
- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua sắm và nâng cấp kiosk dịch vụ công trực tuyến
- Địa điểm thực hiện: Các phòng PV06, PC06, PA08, PC08 thuộc Công an tỉnh Nghệ An, địa chỉ: Số 7, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An và 51 Công an xã, phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- Quy mô của dự toán mua sắm: Mua sắm và nâng cấp kiosk dịch vụ công trực tuyến (Chi tiết danh mục, số lượng tại Phạm vi cung cấp)
- Yêu cầu về cung cấp hàng hóa: Cung cấp hàng hóa có thông số kỹ thuật đáp ứng quy định tại Mục 1.2 Chương V của E-HSMT.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung

- Hàng hoá được sản xuất chính hãng và có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, từng chủng loại phải ghi rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ tuân thủ theo đúng yêu cầu của E-HSMT (bao gồm các thành phần của hàng hóa (nếu có)).
- Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau, đầy đủ nhãn mác của nhà sản xuất, nguyên đai nguyên kiện theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, có đặc tính/thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu E-HSMT.
- Cam kết khi bàn giao hàng hóa cung cấp đầy đủ các tài liệu sau:
 - + Chứng nhận nguồn gốc hàng hoá (C/O) (đối với hàng nhập khẩu) hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng (đối với hàng hoá sản xuất trong nước)
 - + Chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q)/giấy chứng nhận xuất xưởng do Nhà sản xuất phát hành hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương
- Cam kết phần mềm không vi phạm bản quyền và chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới phần mềm mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
- Yêu cầu về vận chuyển, lắp đặt: Nhà thầu phải xây dựng phương án vận chuyển, lắp đặt, bàn giao hàng hóa đến các địa điểm yêu cầu của Chủ đầu tư. Việc cung ứng, lắp đặt hàng hóa phải đảm bảo đúng kỹ thuật, mỹ thuật và an toàn. Nhà thầu tự chịu toàn bộ chi phí và rủi ro có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển

hàng hoá, bao gồm cả tháo dỡ, lắp đặt vận hành, chạy thử hàng hóa tại các địa điểm cung cấp và lắp đặt hàng hóa.

- Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư để kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa theo quy định tại Mục 3 Chương V E-HSMT.

- Danh sách các địa điểm, vị trí triển khai

Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Phân bổ thiết bị								
			Bộ Giải pháp Phần mềm đánh giá sự hài lòng, xếp hàng tự động, tra cứu thông tin	Thiết bị kiosk tương tác	Màn hình trung tâm	Máy tính bảng	Bảng LED	Tăng âm truyền thanh	Loa hộp treo tường	Thiết bị chuyển mạch	Bộ phát wifi
1	Xã Anh Sơn	Tổ dân phố 3, xã Anh Sơn	1	0	1	2	2	1	2	1	1
2	Xã Con Cuông	Khối 1, xã Con Cuông	1	0	0	2	2	0	0	0	1
3	Xã Diễn Châu	Khối 3, xã Diễn Châu	1	0	1	2	2	0	0	1	1
4	Xã Đức Châu	Xóm Yên Đồng, xã Đức Châu	1	1	1	2	2	1	2	1	1
5	Xã Quảng Châu	Xóm 3, xã Quảng Châu	1	1	1	2	2	1	2	1	1
6	Xã Hải Châu	Thôn Ngọc Mỹ, xã Hải Châu	1	1	1	2	2	1	2	1	1
7	Xã An Châu	Xóm 5, xã An Châu (UBND xã Diễn Trung cũ)	1	1	1	2	2	1	2	1	1
8	Xã Minh Châu	Xóm Tân Ninh, xã Minh Châu	1	1	1	2	2	1	2	1	1
9	Xã Hùng Châu	Xóm 6, xã Hùng Châu	1	1	1	2	2	1	2	1	1

Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Phân bổ thiết bị								
			Bộ Giải pháp Phần mềm đánh giá sự hài lòng, xếp hàng tự động, tra cứu thông tin	Thiết bị kiosk tương tác	Màn hình trung tâm	Máy tính bảng	Bảng LED	Tăng âm truyền thanh	Loa hộp treo tường	Thiết bị chuyển mạch	Bộ phát wifi
10	Xã Đô Lương	Đường Đội Cung, xóm 3 thị trấn, xã Đô Lương	1	0	1	2	2	0	0	1	1
11	Xã Văn Hiến	Xóm Quang Sơn 5, xã Văn Hiến	1	1	1	2	2	1	2	1	1
12	Xã Bạch Hà	Xóm Đại Sơn 4, xã Bạch Hà	1	1	1	2	2	1	2	1	1
13	Xã Thuần Trung	Xóm Cảnh Minh, xã Thuần Trung	1	1	1	2	2	1	2	1	1
14	Phường Tân Mai	Khối Sỹ Tân, phường Tân Mai	1	0	0	2	2	1	2	1	1
15	Phường Quỳnh Mai	đường Phùng Hưng, thôn Liên Hải, phường Quỳnh Mai	1	1	1	2	2	1	2	1	1
16	Xã Hưng Nguyên	Xóm Kỳ Đoài, xã Hưng Nguyên	1	0	0	2	2	1	2	1	1
17	Xã Hưng Nguyên Nam	Xóm Xuân Hòa, xã Hưng Nguyên Nam	1	1	1	2	2	1	2	1	1
18	Xã Mùong Xén	Khối 5, xã Mùong Xén	1	0	0	2	2	1	2	1	1
19	Xã Vạn An	Khối Quang Trung, xã Vạn An	1	0	0	2	2	1	2	1	1

Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Phân bổ thiết bị								
			Bộ Giải pháp Phần mềm đánh giá sự hài lòng, xếp hàng tự động, tra cứu thông tin	Thiết bị kiosk tương tác	Màn hình trung tâm	Máy tính bảng	Bảng LED	Tăng âm truyền thanh	Loa hộp treo tường	Thiết bị chuyển mạch	Bộ phát wifi
20	Xã Thiên Nhân	Xóm 6, xã Thiên Nhân	1	1	1	2	2	1	2	1	1
21	Xã Kim Liên	Xóm Bồ Đức, xã Kim Liên	1	1	1	2	2	1	2	1	1
22	Xã Nghĩa Đàn	Số 3, Đ.Lê Hồng Phong, xóm Tân Hồng	1	0	1	2	2	1	2	1	1
23	Xã Nghi Lộc	Tổ dân phố số 6, xã Nghi Lộc	1	0	1	2	2	1	2	1	1
24	Xã Quế Phong	Khối Đông Sơn, xã Quế Phong	1	0	0	2	2	1	2	1	1
25	Xã Quỳnh Châu	Thôn 2, xã Quỳnh Châu,	1	0	0	2	2	1	2	1	1
26	Xã Quỳnh Hợp	Khối 7, xã Quỳnh Hợp	1	0	1	2	2	1	2	1	1
27	Xã Tam Hợp	Xóm Hợp Thuận, xã Tam Hợp	1	1	1	2	2	1	2	1	1
28	Xã Quỳnh Lưu	Khối 1, xã Quỳnh Lưu	1	0	0	2	2	1	2	1	1
29	Xã Quỳnh Văn	Thôn 5 Quỳnh Tân, xã Quỳnh Văn	1	1	1	2	2	1	2	1	1
30	Xã Quỳnh Anh	Thôn Chí Thành, xã Quỳnh Anh	1	1	1	2	2	1	2	1	1

Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Phân bổ thiết bị								
			Bộ Giải pháp Phần mềm đánh giá sự hài lòng, xếp hàng tự động, tra cứu thông tin	Thiết bị kiosk tương tác	Màn hình trung tâm	Máy tính bảng	Bảng LED	Tăng âm truyền thanh	Loa hộp treo tường	Thiết bị chuyển mạch	Bộ phát wifi
31	Xã Quỳnh Tam	Thôn 4 Tân Sơn, xã Quỳnh Tam	1	1	1	2	2	1	2	1	1
32	Xã Quỳnh Phú	Thôn Thọ Tiến, xã Quỳnh Phú	1	1	0	2	2	1	2	1	1
33	Xã Quỳnh Sơn	Thôn 2 Quỳnh Hoa, xã Quỳnh Sơn	1	1	0	2	2	1	2	1	1
34	Phường Tân Kỳ	Số 30, đường Xô Viết - Nghệ Tĩnh, Khối 3, xã Tân Kỳ	1	0	0	2	2	1	2	1	1
35	Phường Thái Hòa	Đại lộ Hùng Vương, khối Long Thượng, phường Thái Hòa	1	0	1	2	2	1	2	1	1
36	Xã Đại Đồng	Số 502, đường 1/9, khối 2A, xã Đại Đồng	1	0	1	2	2	1	2	1	1
37	Xã Xuân Lâm	Xóm Dương Trung, xã Xuân Lâm	1	1	1	2	2	1	2	1	1
38	Xã Bích Hà	Xóm Xuân Lan, xã Bích Hà	1	1	1	2	2	1	2	1	1
39	Xã Tương Dương	Số 333, khối Hòa Tây, xã Tương Dương	1	0	0	2	2	1	2	1	1

Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Phân bổ thiết bị								
			Bộ Giải pháp Phần mềm đánh giá sự hài lòng, xếp hàng tự động, tra cứu thông tin	Thiết bị kiosk tương tác	Màn hình trung tâm	Máy tính bảng	Bảng LED	Tăng âm truyền thanh	Loa hộp treo tường	Thiết bị chuyển mạch	Bộ phát wifi
40	Phường Thành Vinh	Số 79, Lý Thường Kiệt, Khối 5 Lê Lợi, phường Thành Vinh	1	0	1	2	2	1	2	1	1
41	Phường Vinh Hưng - CS1	239 Nguyễn Trường Tộ, Khối Trung Thuận, phường Vinh Hưng	1	1	1	2	2	1	2	1	1
42	Phường Vinh Phú	146 Sư Vạn Hạnh, khối Xuân Hương, phường Vinh Phú	1	1	1	2	2	1	2	1	1
43	Phường Vinh Lộc	Khối 4, phường Vinh Lộc	1	1	1	2	2	1	2	1	1
44	Phường Cửa Lò	Đường Nguyễn Huệ, phường Cửa Lò	1	0	1	2	2	1	2	1	1
45	Phường Trường Vinh	Số 99, đường Nguyễn Duy Trinh, khối Văn Tiến, phường Trường Vinh	1	1	1	2	2	1	2	1	1
46	Xã Yên Thành	Khối 3, xã Yên Thành	1	0	0	2	2	1	2	1	1
47	Xã Hợp Minh	Xóm 4, xã Hợp Minh	1	1	1	2	2	1	2	1	1

Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Phân bổ thiết bị								
			Bộ Giải pháp Phần mềm đánh giá sự hài lòng, xếp hàng tự động, tra cứu thông tin	Thiết bị kiosk tương tác	Màn hình trung tâm	Máy tính bảng	Bảng LED	Tăng âm truyền thanh	Loa hộp treo tường	Thiết bị chuyển mạch	Bộ phát wifi
48	Xã Vân Tụ	Xóm Đông Phú, xã Vân Tụ	1	1	1	2	2	1	2	1	1
49	Xã Giai Lạc	Xóm Làng Danh, xã Giai Lạc	1	1	1	2	2	1	2	1	1
50	Xã Bình Minh	Xóm Đồng Bàu 1, xã Bình Minh	1	1	1	2	2	1	2	1	1
51	Xã Đông Thành	Xóm Kim Chi, xã Đông Thành	1	1	1	2	2	1	2	1	1
52	Phòng PV06	số 65, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Thành Vinh	1	1	1	2	2	1	2	1	1
53	Phòng PC06	số 148, đường Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh	1	0	0	4	4	1	2	1	1
54	Phòng PA08	Số 2C, đường Trần Huy Liệu	1	0	0	6	6	1	2	1	1
55	Phòng PC08	108 Hoàng Phan Thái, phường Vinh Phú	1	0	0	6	6	1	2	1	1

1.2.2. Yêu cầu chi tiết

Hàng hóa nhà thầu đề xuất phải tuân thủ thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn tối thiểu sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tối thiểu
1	Bộ Giải pháp Phần mềm đánh giá sự hài lòng, xếp hàng tự động, tra cứu thông tin	Bảo hành: ≥ 24 tháng Thông số: Chi tiết tại Mục 1.2.3 Chương V của E-HSMT
2	Thiết bị kiosk tương tác	Bảo hành: ≥ 24 tháng Màn hình: <ul style="list-style-type: none">• Kích thước màn hình: ≥ 24" touch screen,• Độ phân giải: $\geq 1920*1080$ Full HD, 16:9.• Độ Sáng: ≥ 350 cd/m²• Góc hiển thị: 16:9 / H/V: 170/170• Công nghệ cảm ứng: Cảm ứng điện dung đa điểm• Bộ xử lý: Intel® Core™ i5-12400 Processor hoặc tương đương hoặc cao hơn• SSD ≥ 256GB• RAM ≥ 8GB DDR4 SO-DIMM3200 Kết nối không dây: WiFi 802.11 B/G/N/AC Agreement, Bluetooth® 5.0 Cổng kết nối phía sau: 1 x HDMI™, 1 x COM, 2 x USB 3.2 Gen 1, 2 x USB 3.2 Gen 2, 2 x USB 2.0, 1 x LAN (RJ45), 1 x Line-out, 1 x Mic, Power DC Jack Thiết bị ngoại vi <ul style="list-style-type: none">• Máy in: Tích hợp máy in: Tốc Độ In (Tối Đa) ≥ 260 mm/giây. Khổ in K80. Giấy cắt tự động, hết giấy đèn coi báo hiệu.• Tích hợp sẵn máy đọc 2D đa hướng đọc mã QR thẻ bảo hiểm y tế, mã Qr căn cước công dân• Tích hợp sẵn thiết bị xác thực Căn cước công dân gắn chip HN-212

		<ul style="list-style-type: none"> • Tích hợp máy Scan khổ giấy A4, A5, B5 , Tốc độ Scan $\geq 25/50/\text{Trang}/\text{Phút}$ độ phân giải $\geq 600 \times 600 \text{ dpi}$, Loại 2 mặt tự động • Tích hợp công nghệ chống giạt an toàn cho người sử dụng • Tích hợp sẵn tăng âm để điều khiển loa Công suất định mức: $\geq 20W * 2$ • Tùy chọn Mở rộng thêm Tích hợp cảm biến phát hiện người, Mở rộng thêm loa chào khi có người tới thao tác. <p>Chứng chỉ: ISO 9001-2015 (hoặc tương đương) của đơn vị sản xuất, lắp ghép</p>
3	Màn hình trung tâm	<p>Năm: 2025 trở về sau</p> <p>Bảo hành: ≥ 24 tháng</p> <p>Thông số: Màn hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại màn hình: Google Tivi QLED - Kích thước: ≥ 55 inch - Độ phân giải: 4K (Ultra HD) - Tần số quét: 60Hz - Công nghệ hình ảnh: Quantum Dot, bộ xử lý AiPQ, Dolby Vision, HDR10+, MEMC 60Hz <p>Âm thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất loa: $\geq 20W$ (2 loa 10W) - Công nghệ âm thanh: Dolby Atmos, DTS Virtual:X - Hệ điều hành và tính năng thông minh - Hệ điều hành: Google TV - Tìm kiếm bằng giọng nói: Google Assistant - Ứng dụng phổ biến: YouTube, Netflix - Chiếu hình từ điện thoại: AirPlay 2, Miracast, Google Cast - WiFi: WiFi 5 hoặc tương đương - Cổng LAN: ≥ 1 cổng

		<ul style="list-style-type: none"> - Cổng HDMI: ≥ 3 cổng (bao gồm 1 cổng HDMI eARC) - Cổng xuất âm thanh: 1 cổng Optical (Digital Audio), 1 cổng eARC - Kích thước có chân đế: 122.4 cm (Ngang) x 76.3 cm (Cao) x 28.5 cm (Dày) $\pm 5\%$ - Kích thước không chân đế: 122.4 cm (Ngang) x 70.8 cm (Cao) x 6.95 cm (Dày) $\pm 5\%$ - Khối lượng có chân đế: 10.7 kg $\pm 5\%$ - Khối lượng không chân đế: 10.5 kg $\pm 5\%$
4	Bảng LED	<p>Bảo hành: ≥ 24 tháng</p> <p>Thông số: Bảng LED hiển thị tại quầy tùy chọn hiển thị chữ và số</p> <p>Cấu hình số hàng hiển thị</p> <p>Chức năng: Thông báo số thứ tự đến lượt giao dịch tại quầy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiển thị bằng LED ma trận điểm - Độ phân giải: 4 chữ số, Màu sắc chữ : Full màu tùy chọn màu sắc - Chuẩn giao tiếp: Cổng LAN RJ45 10/100, giao tiếp TCP/IP, WIFI. - Nguồn điện sử dụng 5VDC <p>Chứng chỉ: ISO 9001-2015 (hoặc tương đương) của đơn vị sản xuất, lắp ghép</p>
5	Máy tính bảng	<p>Năm: 2025 trở về sau</p> <p>Bảo hành: ≥ 12 tháng</p> <p>Kích thước đường chéo màn hình: ≥ 22.1 cm (8.7 inch)</p> <p>Độ phân giải màn hình: $\geq 1340 \times 800$ pixels</p> <p>Tốc độ làm mới tối đa: ≥ 90 Hz</p> <p>Loại tấm nền: TFT</p> <p>Chuẩn phân giải HD: WXGA+</p>

		<p>Bộ vi xử lý (Processor)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Số nhân xử lý: ≥ 8 nhân • Tốc độ xung nhịp tối đa: ≥ 2.2 GHz <p>Bộ nhớ (Memory)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bộ nhớ RAM (Bộ nhớ trong): ≥ 4 GB <p>Lưu trữ (Storage)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dung lượng lưu trữ nội bộ: ≥ 64 GB • Tích hợp khe cắm thẻ nhớ: Có • Loại thẻ nhớ tương thích: MicroSD (TransFlash)
6	Tăng âm truyền thanh	<p>Năm: 2025 trở về sau</p> <p>Bảo hành: ≥ 12 tháng</p> <p>Thông số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất định mức: ≥ 60W - Đầu ra loa: 4~16Ω/ 100V - Đầu vào MIC: +5mV, cổng kết nối XLR cân bằng - Đầu vào AUX1-2: 350mV, cổng RCA không cân bằng - Dải tần 80 Hz ~ 16KHz (-3dB) - SNR: ≥ 75dB; - THD: $\leq 1\%$ - Nguồn điện sử dụng: ~ 220V 50Hz - Công suất định mức: 60w; - Điện năng tiêu thụ: 120w - Trọng lượng: 2.3Kg $\pm 5\%$ - Kích thước 215 x 208 x 65mm $\pm 5\%$
7	Loa hộp treo tường	<p>Năm: 2025 trở về sau</p> <p>Bảo hành: ≥ 12 tháng</p> <p>Thông số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất @100V: ≥ 30W - Công suất @70V: ≥ 15W - Độ nhạy (SPL 1W/1M): 91dB ± 3dB

		<ul style="list-style-type: none"> - Dải tần số: 130 - 18KHz - Trọng lượng: 2.3 Kg \pm 5% - Kích thước: 243 x 185 x 186mm \pm 5%
8	Thiết bị chuyên mạch	<p>Năm: 2025 trở về sau</p> <p>Bảo hành: \geq 36 tháng</p> <p>Thông số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Layer 2 Smart Managed PoE Switch \geq 5 Cổng 10/100/1000BASE-T công suất \geq 54W - \geq 4 cổng 10/100/1000M PoE/PoE+ tổng công suất \geq 54W - \geq 1 cổng 10/100/1000M uplink - Tốc độ chuyển mạch: 10Gbps - MAC: 2K - Dễ dàng quản lý và cấu hình qua cloud - Tích hợp Web management
9	Bộ phát wifi	<p>Năm: 2025 trở về sau</p> <p>Bảo hành: \geq 12 tháng</p> <p>Thông số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Băng tần hỗ trợ: \geq 2.4 GHz - Chuẩn kết nối: 802.11 b/g/n - Cổng kết nối: \geq 3x LAN 100Mbps, \geq 1x WAN/LAN 100Mbps, 1x khe cắm sim. - Ăng ten: 2 x ăng ten 4G LTE rời ngoài - Tốc độ: 2.4GHz – 300Mbps

Ghi chú:

- Nhà thầu cung cấp catalogue/tài liệu kỹ thuật do hãng sản xuất phát hành có đầy đủ nội dung chứng minh hàng hóa chào thầu có đặc tính, thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT... Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật/catalogue có xác nhận của hãng sản xuất để phục vụ quá trình đánh giá E-HSMT. Trường hợp có thông số kỹ thuật E-HSMT yêu cầu nhưng không thể hiện trên catalogue/tài liệu kỹ thuật thì phải có bảng kê xác nhận của nhà sản xuất. Các tài liệu này phải bằng tiếng Việt, trường hợp

bằng tiếng nước ngoài thì phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung bản dịch, bản dịch tiếng Việt có thể dịch toàn bộ tài liệu hoặc tóm tắt nội dung nhưng phải chứng minh được hàng hoá đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhà thầu nêu trong E-HSDT phải thể hiện trên catalogue và tài liệu kỹ thuật. Nhà thầu chào các thông số kỹ thuật của hàng hóa theo thứ tự yêu cầu và ghi rõ thông số kỹ thuật tham chiếu tại trang nào của catalogue, tài liệu kỹ thuật và phải có đánh dấu (note hoặc highlight tại tài liệu kỹ thuật tương ứng).

- Bất kỳ, thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải phù hợp với điều kiện cung cấp cũng như phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu của E-HSMT.

1.2.3. Yêu cầu chức năng của Bộ Giải pháp Phần mềm đánh giá sự hài lòng, xếp hàng tự động, tra cứu thông tin

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng
WEB APP				
A	Cấp phát số thứ tự			
1	Hiển thị toàn bộ dịch vụ	QTHT		Hiển thị toàn bộ danh sách dịch vụ công
2	Lựa chọn dịch vụ	ND	QTHT	Lựa chọn dịch vụ công thực hiện
3	Quét căn cước công dân lấy số thứ tự	ND		Quét căn cước công dân lấy số thứ tự
4	In phiếu số thứ tự	QTHT		Hệ thống in phiếu số thứ tự cho công dân
5	Xếp số thứ tự vào hàng đợi	QTHT		Hệ thống xếp số thứ tự vào hàng đợi
6	Chụp ảnh khi lấy số tự động	QTHT		Hệ thống tự động chụp ảnh người lấy số, lưu vào hệ thống
B	Gọi số tại quầy			
7	Hiển thị danh sách hàng chờ	QTHT		Hệ thống hiển thị danh sách hàng chờ
8	Lấy số hộ theo dịch vụ cho công dân	CBSD		Lấy số hộ theo dịch vụ cho công dân
9	Gọi vào quầy phục vụ số bất kỳ	CBSD	QTHT	Gọi vào quầy phục vụ số bất kỳ
10	Gọi vào quầy số lần lượt	CBSD	QTHT	Gọi vào quầy số lần lượt

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng
11	Hủy hoặc kết thúc gọi số đang phục vụ	CBSD	QTHT	Hủy gọi số đang phục vụ
				Kết thúc gọi số đang phục vụ
12	Gọi lại một số đã gọi	QTHT		Gọi lại một số đã gọi trước đó
13	Thông kê số thứ tự	QTHT		Thông kê số được cấp, số đang gọi, số hủy, số hoàn thành, số chờ gọi
C	Màn hình điều tiết phân luồng			
14	Hiện thị thông tin số đang được gọi phục vụ tại mỗi quầy	QTHT		Hiện thị thông tin số đang được gọi phục vụ tại mỗi quầy
15	Hiện thị thông tin số gần nhất đang được gọi phục vụ	QTHT		Hiện thị thông tin số gần nhất đang được gọi phục vụ
16	Cảnh báo nháy sáng khi số được gọi loa	QTHT		Cảnh báo nháy sáng khi số được gọi loa
17	Đọc số được gọi	QTHT		Đọc số được gọi từ màn hình trung tâm điều tiết phân luồng
D	Hiện thị số thự tự tại quầy			
18	Hiện thị thông tin số đang được gọi phục vụ tại quầy	CBSD	QTHT	Hiện thị thông tin số đang được gọi phục vụ tại quầy
19	Cảnh báo nháy sáng khi số được gọi loa	QTHT		Cảnh báo nháy sáng khi số được gọi loa
E	Điều hướng, phân luồng dịch vụ HCC			
20	Điều hướng, phân luồng nộp hồ sơ	QTHT		Hiện thị danh sách nguồn nộp hồ sơ
				Điều hướng người dùng nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công liên quan đến đơn vị
21	Điều hướng, phân luồng tra cứu kết quả xử lý hồ sơ	QTHT		Hiện thị danh sách nguồn tra cứu kết quả xử lý hồ sơ
				Điều hướng người dùng nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công liên quan đến đơn vị
22	Điều hướng, phân luồng tra cứu thông tin thủ tục hành chính	QTHT		Hiện thị danh sách các thủ tục hành chính
				Điều hướng người dùng nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công liên quan đến đơn vị

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng
F	Đánh giá chất lượng dịch vụ			
23	Hiện thị danh sách dịch vụ	ND	QTHT	Hiện thị danh sách các dịch vụ đánh giá
24	Lựa chọn dịch vụ đánh giá	ND	QTHT	Lựa chọn dịch vụ đánh giá
25	Đánh giá	ND	QTHT	Hiện thị danh sách nội dung đánh giá
				Lựa chọn thang điểm đánh giá mỗi nội dung
				Sửa lựa chọn
				Xác nhận lựa chọn đánh giá
26	Ý kiến bổ sung	ND	QTHT	Ý kiến bổ sung
G	Đánh giá chất lượng nhân viên			
27	Hiện thị danh sách nhân viên	ND	QTHT	Hiện thị danh sách các nhân viên đánh giá
28	Lựa chọn nhân viên đánh giá	ND	QTHT	Công dân thực hiện lựa chọn nhân viên cần đánh giá
29	Đánh giá	ND	QTHT	Hiện thị danh sách nội dung đánh giá
				Công dân thực hiện lựa chọn điểm đánh giá mỗi nội dung theo thang điểm có sẵn
				Công dân thay đổi điểm đánh giá
				Xác nhận lựa chọn đánh giá và ghi nhận về hệ thống
30	Ý kiến bổ sung	ND	QTHT	Ý kiến bổ sung
H	Báo cáo			
31	Báo cáo quày	CBSD	QTHT	Báo cáo danh sách quày
32	Báo cáo dịch vụ	CBSD	QTHT	Báo cáo danh sách dịch vụ cung cấp tại địa điểm
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo ngày
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo tháng
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo quý
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo năm
33	Báo cáo nhân viên	CBSD	QTHT	Báo cáo danh sách nhân viên

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo ngày
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo tháng
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo quý
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo năm
34	Báo cáo người dùng	CBSD	QTHT	Báo cáo danh sách user truy cập
I	Quản lý tập trung			
35	Cấu hình thông tin đơn vị	QTHT	CBSD	Xem các thông tin của đơn vị
				Sửa các thông tin của đơn vị
				Cấu hình chính sách lấy số, cấp phát số
				Cấu hình chế độ in phiếu
36	Cấu hình thông tin quầy phục vụ	QTHT	CBSD	Xem các thông tin của quầy
				Thêm các thông tin của quầy
				Sửa các thông tin của quầy
				Xóa các thông tin của quầy
				Gán dịch vụ cung cấp tại quầy
37	Cấu hình thông tin dịch vụ	QTHT	CBSD	Xem các thông tin của dịch vụ
				Thêm các thông tin của dịch vụ
				Sửa các thông tin của dịch vụ
				Active/Deactive dịch vụ
				Gán tiêu chí đánh giá cho Dịch vụ
38	Cấu hình thông tin lĩnh vực	QTHT	CBSD	Xem danh sách lĩnh vực
				Thêm lĩnh vực
				Sửa lĩnh vực
				Xóa lĩnh vực
				Cấu hình lĩnh vực – nhân viên
39	Cấu hình thông tin nhân viên	QTHT	CBSD	Xem các thông tin nhân viên
				Thêm các thông tin nhân viên
				Sửa các thông tin nhân viên
				Active/Deactive nhân viên
				Gán tiêu chí đánh giá cho Nhân viên
40	Quản lý menu Kiosk	QTHT	CBSD	Xem menu Kiosk
				Thêm menu Kiosk
				Sửa menu Kiosk
				Xóa menu Kiosk

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng
41	Cấu hình đánh giá	QTHT	CBSĐ	Xem các thông tin của tiêu chí
				Thêm các thông tin của tiêu chí
				Sửa các thông tin của tiêu chí
				Active/Deactive các tiêu chí
42	Điều khiển gọi loa	QTHT	CBSĐ	Xem các cấu hình, thông số gọi loa
				Sửa số lượt gọi lại số tại các loa
				Cấu hình cho phép quây gọi số bất kỳ không theo thứ tự
43	Quản lý giờ làm việc	QTHT	CBSĐ	Cập nhật giờ làm việc
44	Quản lý tài khoản	QTHT	CBSĐ	Xem danh sách tài khoản
				Thêm tài khoản
				Sửa tài khoản
				Xóa tài khoản
45	Quản lý nhóm tài khoản	QTHT	CBSĐ	Xem danh sách nhóm tài khoản
				Thêm nhóm tài khoản
				Sửa nhóm tài khoản
				Xóa nhóm tài khoản
46	Quản lý phân quyền	QTHT	CBSĐ	Phân quyền cho các nhóm tài khoản
K	Tích hợp hệ thống			
47	Kiểm soát in qua mạng			Kiểm soát việc in phiếu qua mạng từ các thiết bị/ tính năng trong hệ thống in qua mạng
48	Kiểm soát hàng đợi, điều khiển quay vòng khi gọi số			Kiểm soát hàng đợi, phát loa vào các thiết bị khi một số được gọi
49	Điều khiển việc hiển thị bảng LED			Kiểm soát và điều tiết việc hiển thị thông tin trên bảng LED tại các quầy
L	Giám sát tập trung			
50	Quản lý điểm dịch vụ/ Trung tâm hành chính	QTHT		Khai báo, cấu hình mã điểm dịch vụ vào các Kiosk tại các trung tâm hành chính công
51	Đồng bộ số liệu về số thứ tự được cấp, xử lý	QTHT		Kiosk dịch vụ tại trung tâm hành chính công đồng bộ số liệu về số thứ tự được cấp, xử lý về hệ thống theo dõi tập trung
52	Báo cáo tình trạng hoạt động của các điểm dịch vụ	QTHT		Thể hiện báo cáo tình trạng hoạt động của các điểm dịch vụ dựa trên số liệu đồng bộ về từ các điểm

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng
MOBILE APP				Ứng dụng Mobile cho Máy tính bảng, điện thoại, Tivi
A	Cấp phát số thứ tự			
1	Hiển thị toàn bộ dịch vụ	QTHT		Hiển thị toàn bộ danh sách dịch vụ công
2	Lựa chọn dịch vụ	ND	QTHT	Lựa chọn dịch vụ công thực hiện
3	Quét căn cước công dân lấy số thứ tự	ND		Quét căn cước công dân lấy số thứ tự
4	In phiếu số thứ tự	QTHT		Hệ thống in phiếu số thứ tự cho công dân
5	Xếp số thứ tự vào hàng đợi	QTHT		Hệ thống xếp số thứ tự vào hàng đợi
6	Chụp ảnh khi lấy số tự động	QTHT		Hệ thống tự động chụp ảnh người lấy số, lưu vào hệ thống
B	Gọi số tại quầy			
7	Hiển thị danh sách hàng chờ	QTHT		Hệ thống hiển thị danh sách hàng chờ
8	Lấy số hộ theo dịch vụ cho công dân	CBSD		Lấy số hộ theo dịch vụ cho công dân
9	Gọi vào quầy phục vụ số bất kỳ	CBSD	QTHT	Gọi vào quầy phục vụ số bất kỳ
10	Gọi vào quầy số lần lượt	CBSD	QTHT	Gọi vào quầy số lần lượt
11	Hủy hoặc kết thúc gọi số đang phục vụ	CBSD	QTHT	Hủy gọi số đang phục vụ Kết thúc gọi số đang phục vụ
12	Gọi lại một số đã gọi	QTHT		Gọi lại một số đã gọi trước đó
13	Thông kê số thứ tự	QTHT		Thông kê số được cấp, số đang gọi, số hủy, số hoàn thành, số chờ gọi
C	Màn hình điều tiết phân luồng			
14	Hiển thị thông tin số đang được gọi phục vụ tại mỗi quầy	QTHT		Hiển thị thông tin số đang được gọi phục vụ tại mỗi quầy
15	Hiển thị thông tin số gần nhất đang được gọi phục vụ	QTHT		Hiển thị thông tin số gần nhất đang được gọi phục vụ
16	Cảnh báo nháy sáng khi số được gọi loa	QTHT		Cảnh báo nháy sáng khi số được gọi loa
17	Đọc số được gọi	QTHT		Đọc số được gọi từ màn hình trung tâm điều tiết phân luồng
D	Hiển thị số thứ tự tại quầy			

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng
18	Hiện thị thông tin số đang được gọi phục vụ tại quầy	CBSD	QTHT	Hiện thị thông tin số đang được gọi phục vụ tại quầy
19	Cảnh báo nháy sáng khi số được gọi loa	QTHT		Cảnh báo nháy sáng khi số được gọi loa
E	Điều hướng, phân luồng dịch vụ HCC			
20	Điều hướng, phân luồng nộp hồ sơ	QTHT		Hiện thị danh sách nguồn nộp hồ sơ
				Điều hướng người dùng nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công liên quan đến đơn vị
21	Điều hướng, phân luồng tra cứu kết quả xử lý hồ sơ	QTHT		Hiện thị danh sách nguồn tra cứu kết quả xử lý hồ sơ
				Điều hướng người dùng nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công liên quan đến đơn vị
22	Điều hướng, phân luồng tra cứu thông tin thủ tục hành chính	QTHT		Hiện thị danh sách các thủ tục hành chính
				Điều hướng người dùng nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công liên quan đến đơn vị
F	Đánh giá chất lượng dịch vụ			
23	Hiện thị danh sách dịch vụ	ND	QTHT	Hiện thị danh sách các dịch vụ đánh giá
24	Lựa chọn dịch vụ đánh giá	ND	QTHT	Lựa chọn dịch vụ đánh giá
25	Đánh giá	ND	QTHT	Hiện thị danh sách nội dung đánh giá
				Lựa chọn thang điểm đánh giá mỗi nội dung
				Sửa lựa chọn
				Xác nhận lựa chọn đánh giá
26	Ý kiến bổ sung	ND	QTHT	Ý kiến bổ sung
G	Đánh giá chất lượng nhân viên			
27	Hiện thị danh sách nhân viên	ND	QTHT	Hiện thị danh sách các nhân viên đánh giá
28	Lựa chọn nhân viên đánh giá	ND	QTHT	Công dân thực hiện lựa chọn nhân viên cần đánh giá
29	Đánh giá	ND	QTHT	Hiện thị danh sách nội dung đánh giá

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng
				Công dân thực hiện lựa chọn điểm đánh giá mỗi nội dung theo thang điểm có sẵn
				Công dân thay đổi điểm đánh giá
				Xác nhận lựa chọn đánh giá và ghi nhận về hệ thống
30	Ý kiến bổ sung	ND	QTHT	Ý kiến bổ sung
H	Báo cáo			
31	Báo cáo quày	CBSD	QTHT	Báo cáo danh sách quày
32	Báo cáo dịch vụ	CBSD	QTHT	Báo cáo danh sách dịch vụ cung cấp tại địa điểm
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo ngày
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo tháng
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo quý
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo năm
33	Báo cáo nhân viên	CBSD	QTHT	Báo cáo danh sách nhân viên
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo ngày
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo tháng
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo quý
				Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ theo năm
34	Báo cáo người dùng	CBSD	QTHT	Báo cáo danh sách user truy cập
I	Quản lý tập trung			
35	Cấu hình thông tin đơn vị	QTHT	CBSD	Xem các thông tin của đơn vị
				Sửa các thông tin của đơn vị
				Cấu hình chính sách lấy số, cấp phát số
				Cấu hình chế độ in phiếu
36	Cấu hình thông tin quày phục vụ	QTHT	CBSD	Xem các thông tin của quày
				Thêm các thông tin của quày
				Sửa các thông tin của quày
				Xóa các thông tin của quày
				Gán dịch vụ cung cấp tại quày
37		QTHT	CBSD	Xem các thông tin của dịch vụ

STT	Tên Use-case	Tên tác nhân chính	Tên tác nhân phụ	Mô tả trường hợp sử dụng
	Cấu hình thông tin dịch vụ			Thêm các thông tin của dịch vụ Sửa các thông tin của dịch vụ Active/Deactive dịch vụ Gán tiêu chí đánh giá cho Dịch vụ
38	Cấu hình thông tin lĩnh vực	QTHT	CBSD	Xem danh sách lĩnh vực Thêm lĩnh vực Sửa lĩnh vực Xóa lĩnh vực Cấu hình lĩnh vực – nhân viên
39	Cấu hình thông tin nhân viên	QTHT	CBSD	Xem các thông tin nhân viên Thêm các thông tin nhân viên Sửa các thông tin nhân viên Active/Deactive nhân viên Gán tiêu chí đánh giá cho Nhân viên
40	Quản lý menu Kiosk	QTHT	CBSD	Xem menu Kiosk Thêm menu Kiosk Sửa menu Kiosk Xóa menu Kiosk
41	Cấu hình đánh giá	QTHT	CBSD	Xem các thông tin của tiêu chí Thêm các thông tin của tiêu chí Sửa các thông tin của tiêu chí Active/Deactive các tiêu chí
42	Điều khiển gọi loa	QTHT	CBSD	Xem các cấu hình, thông số gọi loa Sửa số lượt gọi lại số tại các loa Cấu hình cho phép quây gọi số bất kỳ không theo thứ tự
43	Quản lý giờ làm việc	QTHT	CBSD	Cập nhật giờ làm việc
44	Quản lý tài khoản	QTHT	CBSD	Xem danh sách tài khoản Thêm tài khoản Sửa tài khoản Xóa tài khoản
45	Quản lý nhóm tài khoản	QTHT	CBSD	Xem danh sách nhóm tài khoản Thêm nhóm tài khoản Sửa nhóm tài khoản Xóa nhóm tài khoản
46	Quản lý phân quyền	QTHT	CBSD	Phân quyền cho các nhóm tài khoản

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

* Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Địa điểm: Tại địa điểm bàn giao hàng hóa
- Kiểm tra, thử nghiệm sẽ được tiến hành khi hàng đến địa điểm bàn giao theo yêu cầu của E-HSMT.
- Chủ đầu tư sẽ trực tiếp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với sự chứng kiến của nhà thầu.
- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.
- Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư để thực hiện kiểm tra an ninh thông tin của hàng hóa theo quy định của Bộ Công an (nếu có).